

Bản án số: 56/2018/HS-ST
Ngày 28 – 05 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN- TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu – Nguyên giáo viên, Phó trưởng Ban tuyên giáo huyện Mai Sơn

Bà Trịnh Thị Thái – Chủ tịch Hội phụ nữ thị trấn Hát Lót

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Thúy –Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2018/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn A. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1997 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản A1, xã A2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn A3, sinh năm 1956 và bà: Lò Thị A4, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018, giam tại Nhà tạm giam, tạm giữ Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn B. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 18/8/2000 tại huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản B1, xã B2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn B3, sinh năm 1976 và bà: Lò Thị B4, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018, giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thị C. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17/9/2001 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản C1, xã C2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C3, sinh năm 1978 và bà: Lò Thị C4, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018, giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn D. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 19/3/1995 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản D1, xã D2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn D3, sinh năm 1960 và bà: Hà Thị D4, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018, giam tại Nhà tạm giam, tạm giữ Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

5. Tòng Văn E. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 20/01/1983 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản E1, xã B2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tòng Văn E2, sinh năm 1954 và bà: Hà Thị E3, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Hà Thị E4, sinh năm 1985; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018, giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo:

- Lò Văn B: Ông Lò Văn B3, sinh năm 1976 (bố đẻ bị cáo) và bà Lò Thị B4, sinh năm 1976 (mẹ đẻ bị cáo). Địa chỉ: Bản B1, xã B2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Hoàng Thị C: Ông Hoàng Văn C3, sinh năm 1978 (bố đẻ bị cáo). Địa

chỉ: Bản C5, xã A2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Bà Lò Thị C4, sinh năm 1980 (mẹ đẻ bị cáo). Địa chỉ: Bản C1, xã C2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Lò Văn B: Ông Lò Văn B3, sinh năm 1976 (bố đẻ bị cáo). Địa chỉ: Bản B1, xã B2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Hoàng Thị C: Bà Lò Thị C4, sinh năm 1980 (mẹ đẻ bị cáo). Địa chỉ: Bản C1, xã C2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lương Thị Hồng H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản A1, xã A2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Lèo Văn L, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản F1, xã F2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Hoàng Văn T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản F3, xã F2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2018, Tổ công tác Công an huyện Mai Sơn tiến hành kiểm tra an ninh trật tự tại khu phòng trọ của gia đình Vũ Đức T1 thuộc bản F4, xã F2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Kiểm tra tại phòng trọ số 03 có các đối tượng gồm: Hoàng Thị C, Lò Văn B, Hà Văn D, Hoàng Văn T, Tòng Văn E, Lèo Văn L, Hoàng Văn A. Phát hiện tại vị trí giường của các đối tượng đang ngồi có 01 mảnh giấy bạc, một mặt bảm dính chất màu đen và 01 bật lửa ga bằng nhựa màu đỏ bị mất nắp bảo vệ, các đối tượng A, B, C, D, E, T, L đã thừa nhận vừa sử dụng ma túy tổng hợp. Kiểm tra khu vực xung quanh vị trí các đối tượng sử dụng ma túy phát hiện: tại bờ tường đối diện cửa ra vào của phòng trọ số 03 thu giữ 01 gói giấy bạc hình trụ bên trong chứa 05 viên nén màu hồng, một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi là ma túy tổng hợp (hồng phiến); phát hiện tại vị trí mảnh đất trống tiếp giáp tường cửa phòng trọ số 03 thu giữ 01 gói giấy bạc hình trụ bên trong có chứa 10 viên nén màu hồng, một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi là ma túy tổng hợp (hồng phiến), cách đó 10cm về phía ngoài phát hiện thêm 01 gói giấy bạc hình trụ bên trong chứa 11 viên nén màu hồng, một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi là ma túy tổng hợp (hồng phiến). Tổ công tác tiếp tục yêu cầu các đối tượng có ma túy thì tự giác giao nộp, sau khi được yêu cầu Hoàng Thị C đã tự giác lấy từ trong chiếc ví giả da màu đen nhãn hiệu “VIP” để ở phòng trọ số 04 ra giao nộp 01 gói giấy bạc bên trong chứa 10 viên nén màu hồng một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi là ma túy tổng

hợp (hồng phiến). Hoàng Thị C và Lò Văn B khai nhận 10 viên nén màu hồng trên là ma túy của C và B mục đích tàng trữ để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với C và B, thu giữ niêm phong vật chứng. Quá trình kiểm tra thu giữ trên người D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu cam đen; Thu giữ của Hoàng Văn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím số, vỏ nhựa màu đen, kèm theo 02 sim; Thu giữ của Hoàng Thị C 01 chiếc mũ lưỡi chai kiểu dáng nam, màu đen có gắn mác in chữ “NS 1996”; Thu giữ của Lò Văn B 01 chiếc găng tay đan bằng len màu đen có hoa văn màu trắng; Thu giữ của Hoàng Văn A 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, sơn màu đen trắng, biển kiểm soát: 26B2-103.60 và lập biên bản làm việc đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện Mai Sơn để điều tra, xác minh.

Quá trình điều tra Hoàng Văn A, Hoàng Thị C, Lò Văn B, Hà Văn D, Tòng Văn E khai nhận:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 22 tháng 01 năm 2018, Hoàng Văn A đem theo số tiền 2.300.000VNĐ điều khiển xe máy nhãn hiệu SYM – GALAXY, biển kiểm soát: 26K1 – 042.63 đi từ nhà tại bản A1, xã A2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La mục đích tìm mua ma túy hồng phiến để sử dụng, Phong đến gặp Hà Văn D là bạn của A đang ở thuê tại phòng trọ của gia đình Vũ Đức T (cư trú tại bản F4, xã F2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La). A hỏi D có mua được Hồng phiến không, D nói không mua được và bảo A hỏi Lò Văn B. A gọi điện thoại cho Lò Văn B thì Hoàng Thị C là bạn gái của B nghe máy, lúc này C và B đang có mặt tại nhà Vi Văn K (sinh năm 1985, trú tại bản F4, xã F2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) A nói với C về phòng trọ để A trả tiền do A nợ C từ trước, do xe bị hỏng nên C bảo A đến đón. Hà Văn D nghe thấy A và C nói chuyện nên đã mượn xe của A đi đón C và B. Lúc này Tòng Văn E đến phòng trọ của D. Sau khi D đón B, C về phòng trọ A trả C số tiền nợ là 400.000VNĐ và hỏi C có mua được hồng phiến không thì mua giúp, C nói phải tối mới đi mua được. Sau đó C đưa lại cho A số tiền 400.000VNĐ và nói cho C góp tiền cùng để mua Hồng phiến, thấy vậy E đưa cho A số tiền 300.000VNĐ và nói cho E góp mua Hồng phiến. A cầm tiền đi về nhà lấy thêm số tiền 400.000VNĐ. Còn B và C đi về phòng trọ do B và C thuê (phòng trọ số 04). Đến khoảng 19 giờ Hoàng Văn T đi đến phòng trọ số 03 của D xin ngủ nhờ.

Khoảng 21 giờ cùng ngày A điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA - SIRUS, biển kiểm soát: 26B2- 103.60 (do A mượn của Hoàng Ngọc S, sinh năm 2000, trú tại bản A1, xã A2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là cháu của A) đến phòng trọ số 03 rồi gọi B, C đang ở phòng trọ số 04 sang, A đưa cho B số tiền 3.000.000VNĐ, gồm: 700.000VNĐ do C và E góp từ trước, 2.300.000VNĐ còn lại là tiền của A để B đi mua Hồng phiến, B cầm tiền rồi đưa lại số tiền trên cho C cầm, B nói với D cho B mượn điện thoại của D để gọi điện hỏi giá bán ma túy. B gọi cho 01 người nam giới tên Nô là người quen của B nhưng không rõ

nhân thân đặt vấn đề hỏi mua 3.000.000 VNĐ hồng phiếu. Nô hẹn gặp B ở chân dốc Chạm Cọ thuộc xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn. Sau đó B mượn xe máy và điện thoại của A điều khiển xe chở C đi đến chân dốc Chạm Cọ để gặp Nô, còn A, D đi chơi điện tử tại khu vực bản F1, F2, Mai Sơn, Sơn La, E, T vẫn ngủ tại phòng trọ. Khi đi đến chân dốc Chạm Cọ, xã Chiềng Kheo, B gặp Nô đang đứng bên lề đường. C xuống xe đưa cho Nô số tiền 3.000.000VNĐ, Nô cầm tiền và đưa cho C 01 gói nilon màu trắng, C sờ thấy bên trong chứa các viên nén là ma túy hồng phiếu. C cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái, B điều khiển xe chở C về phòng trọ.

Khi về đến phòng trọ số 4 C mở gói hồng phiếu đổ vào một chiếc mũ lưỡi trai màu đen đếm được 59 viên Hồng phiếu sau đó C đưa chiếc mũ có chứa các viên hồng phiếu cho B, C gọi điện cho D thông báo đã về rồi cùng B đi sang phòng trọ số 3 thì thấy E và T đang ngủ trong phòng, khoảng 2 phút sau D về phòng thì E đã ngủ dậy B đưa chiếc mũ đựng hồng phiếu cho D, E nói với D đếm lại số hồng phiếu vừa mua, Nhưng B nói của E góp 300.000VNĐ thì được 06 viên, D đếm ra 06 viên và đưa cho E, E cầm lấy và gói 05 viên lại bằng giấy bạc rồi cất 01 viên trong túi quần E để dưới đệm giường ngủ nói để sử dụng chung, C nói với D phần của C là 10 viên, D đếm 10 viên Hồng phiếu đưa cho C, C nhặt một mảnh giấy bạc gói 10 viên hồng phiếu lại rồi đưa cho B, B cầm lấy rồi đi về phòng trọ số 4 cất giấu gói hồng phiếu trong ví để ở đầu giường ngủ rồi quay lại phòng trọ số 3. Lúc này C nhặt lấy một viên trong số hồng phiếu D đang chia để sử dụng chung, 42 viên hồng phiếu còn lại D cho vào trong 01 túi nilon màu trắng đựng trong 01 chiếc găng tay len màu đen và để trên đệm giường ngủ trong phòng. Trong lúc C, B, E cùng sử dụng 02 viên hồng phiếu mà E và C bỏ ra thì T ngủ dậy và cùng sử dụng hết. Khoảng 10 phút sau thì A và Lèo Văn L, sinh năm 1998, trú tại bản F3, xã F2, huyện Mai Sơn cũng đến phòng trọ. D đưa cho A chiếc găng tay len bên trong có gói nilon chứa hồng phiếu và nói nếu muốn gọn thì gói 10 viên thành 01 gói. A đồng ý và đưa cho D 21 viên, D dùng giấy bạc gói thành 02 gói để trên giường, còn A lấy 02 viên trong túi nilon màu trắng ra để sử dụng chung; C xin A 05 viên hồng phiếu, A đồng ý và đưa cho C 05 viên hồng phiếu, C lấy 01 viên ra để sử dụng chung, 04 viên còn lại C gói lại cầm ở tay trái, A gói 14 viên hồng phiếu còn lại vào túi nilon ban đầu và để trên đệm trong phòng.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày khi các đối tượng vừa sử dụng hồng phiếu xong thì tổ công tác Công an huyện Mai Sơn đến kiểm tra, do sợ bị phát hiện E đã lấy gói hồng phiếu trong túi quần ném lên bờ tường phòng trọ, còn D cầm 02 gói hồng phiếu trong đó một gói chứa 10 viên gói còn lại chứa 11 viên hồng phiếu ném ra ngoài phòng trọ, C nuốt 04 viên hồng phiếu đang cầm trên tay vào bụng, A ném gói chứa 14 viên hồng phiếu ra ngoài khe cửa. Sau khi được yêu cầu C và B đã tự giác lấy gói bên trong chứa 10 viên hồng phiếu B cất

giấu ra giao nộp. Tổ công tác Công an huyện Mai Sơn đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Văn B và Hoàng Thị C đồng thời lập biên bản làm việc thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Hoàng Văn A, Hà Văn D và Tòng Văn E.

Ngày 24/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn phối hợp với phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định đối với số ma túy thu giữ. Kết quả:

- 05 viên nén màu hồng một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi ma túy tổng hợp (Hồng phiến), đựng trong phong bì thư thứ nhất có khối lượng 0,49gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M1 để giám định.

- 10 viên nén màu hồng một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi ma túy tổng hợp (Hồng phiến), trong phong bì thư thứ hai có khối lượng là 1,00gam, trích rút 0,51gam (05 viên nén), ký hiệu M2 để giám định. Tang vật còn lại là 0,49gam, ký hiệu T1.

- 11 viên nén màu hồng một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi ma túy tổng hợp (Hồng phiến), trong phong bì thư thứ ba có khối lượng là 1,10gam, trích rút 0,50gam (05 viên), ký hiệu M3 để giám định. Tang vật còn lại là 0,60gam, ký hiệu T2.

- 10 viên nén màu hồng một mặt mỗi viên nén đều có ký hiệu “WY” nghi ma túy tổng hợp (Hồng phiến), trong phong bì thư thứ tư có khối lượng là 0,99gam, trích rút 0,35gam (05 viên), ký hiệu M4 để giám định. Tang vật còn lại là 0,64gam, ký hiệu T3.

Ngày 01/02/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra bản kết luận giám định số 278/KLMT kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3, M4 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là M1 = 0,49gam, M2 = 0,51 gam; M3=0,50gam; M4=0,35gam.

Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ là 3,58gam loại chất Methamphetamine.”

Tại phiên toà các bị cáo Hoàng Văn A, Hoàng Thị C, Lò Văn B, Hà Văn D, Tòng Văn E đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSMS ngày 10/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn A, Hoàng Thị C, Lò Văn B, Hà Văn D, Tòng Văn E về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn A, Hoàng Thị C, Lò Văn B, Hà Văn D, Tòng Văn E phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn A từ 30 đến 36 tháng tù giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị C từ 30 đến 33 tháng tù giam.

Xử phạt bị cáo Lò Văn B từ 30 đến 33 tháng tù giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hà Văn D từ 40 đến 46 tháng tù giam.

Xử phạt bị cáo Tòng Văn E từ 16 đến 20 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 0,49gam Methamphetamine, ký hiệu T1; 0,60gam Methamphetamine, ký hiệu T2; 0,64gam Methamphetamine, ký hiệu T3 là số ma túy còn lại sau khi trích rút trừ mẫu giám định; 01 vỏ phong bì niêm phong tang vật ban đầu đã bị bóc mở cùng các mảnh giấy gói ma túy ban đầu; 01 mảnh giấy bạc một mặt bảm dính chất màu đen; 01 bật lửa ga bằng nhựa màu đỏ đã bị mất phần nắp bảo vệ; 01 chiếc găng tay đan bằng len màu đen có hoa văn màu trắng; 01 ví giả da màu đen nhãn hiệu VIP; 01 mũ lưỡi chai, kiểu dáng nam, màu đen có gắn mác in chữ “NS 1996”.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu cam, đen của Hà Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, vỏ nhựa màu đen của Hoàng Văn A.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Thị Hồng H 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát: 26B2-103.60, số khung RLCS5C6KOGY279958, số máy 5C6K279958.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn B: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định đối với

người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lò Văn B.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị C: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Thị C.

Các bị cáo Hoàng Văn A, Tòng Văn E, Hà Văn D tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Mai Sơn, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt*: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn A, Lò Văn B, Hoàng Thị C, Tòng Văn E, Hà Văn D khai nhận vào ngày 22/01/2018 các bị cáo A, C, E đã góp số tiền 3.000.000VNĐ để bị cáo B, C đi mua 59 viên Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng vì các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy. Ngày 23/01/2018 các bị cáo A, B, C, D, E đã bị tổ công tác Công an huyện Mai Sơn bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Như vậy, với việc tàng trữ 3,58gam Methamphetamine mục đích để sử dụng đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Hoàng Văn A, Lò Văn B, Hoàng Thị C, Tòng Văn E, Hà Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo tại Bản cáo trạng số: 45/KSĐT-MT ngày 10/5/2018 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm*:

Đối với các bị cáo Hoàng Văn A, Hà Văn D, Tòng Văn E: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, dân sự. Nhận thức được

việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng do thiếu rèn luyện, tu dưỡng, các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, vì lẽ đó khi lượng hình cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Đối với các bị cáo Lò Văn B, Hoàng Thị C: khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo B, C chưa đủ 18 tuổi, tuy nhiên các bị cáo đã có thể nhận thức được mức độ nghiêm trọng của hành vi do mình thực hiện. Do đó xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung

Xét về đồng phạm: Các bị cáo phạm tội đồng phạm. Bị cáo Hoàng Văn A là người chủ mưu, khởi xướng nhờ C đi mua ma túy, là người thu tiền của C và E, bản thân A đã góp số tiền 2.300.000VNĐ để mua ma túy. Bị cáo Hoàng Thị C khi được A nhờ mua ma túy đã đồng tình ngay, là người góp số tiền 400.000VNĐ và cùng với Lò Văn B trực tiếp đi mua ma túy, do đó C là đồng phạm với vai trò người thực hành tích cực. Lò Văn B là người trực tiếp chở C đi mua ma túy và là người trực tiếp trao đổi mua bán ma túy, do đó B là đồng phạm với vai trò người thực hành tích cực. Tòng Văn E là người đã góp số tiền 300.000VNĐ để đi mua ma túy, do đó E là đồng phạm với vai trò người giúp sức. Hà Văn D là người gợi ý cho A đặt vấn đề mua ma túy của B, chứng kiến việc bàn bạc cùng mua ma túy của A, C, E, là người cho B mượn điện thoại để liên lạc trao đổi mua bán ma túy, là người chia ma túy và được cho sử dụng ma túy cùng, do đó D là đồng phạm với vai trò người giúp sức trong vụ án. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 trong việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy:

Bị cáo Hoàng Văn A là người nhờ bị cáo Hoàng Thị C đi mua ma túy, do vậy bị cáo A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào vì tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã làm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Tòng Văn E, Hà Văn D: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải

về việc đã làm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Lò Văn B, Hoàng Thị C: khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo.

Từ sự phân tích trên, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù giam với mức phạt nghiêm khắc, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, từ đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét thấy: Các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, không có việc làm và thu nhập không ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về vật chứng, xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo vật chứng gồm: 3,58gam Methamphetamine, đã trích rút làm mẫu giám định, vật chứng sau giám định còn lại là 0,49gam Methamphetamine, ký hiệu T1; 0,60gam Methamphetamine, ký hiệu T2; 0,64gam Methamphetamine, ký hiệu T3. Xét thấy đây là chất Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 vỏ phong bì niêm phong tang vật ban đầu đã bị bóc mở cùng các mảnh giấy gói ma túy ban đầu; 01 mảnh giấy bạc một mặt bám dính chất màu đen; 01 bật lửa ga bằng nhựa màu đỏ đã bị mất phần nắp bảo vệ; 01 chiếc găng tay đan bằng len màu đen có hoa văn màu trắng; 01 ví giả da màu đen nhãn hiệu VIP; 01 mũ lưỡi chai, kiểu dáng nam, màu đen có gắn mác in chữ “NS 1996”. Xét thấy đây là những vật dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu cam, đen của Hà Văn D. Xét thấy là tài sản hợp pháp của bị cáo D, bị cáo D đã đưa cho bị cáo B để liên lạc trao đổi mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, vỏ nhựa màu đen của Hoàng Văn A. Xét thấy là tài sản hợp pháp của bị cáo A, tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã sử dụng vào việc liên lạc trao đổi mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát: 26B2-103.60, số khung RLCS5C6KOGY279958, số máy 5C6K279958. Xét thấy là tài sản hợp pháp của chị Lương Thị Hồng H, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Hồng H.

[7] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

[8] *Về các vấn đề khác*:

Về nguồn gốc số ma túy bị cáo Lò Văn B, Hoàng Thị C khai mua của một người nam giới tên Nô, không biết họ tên, tuổi, địa chỉ, quá trình trao đổi không ai biết, chứng kiến nên Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn không có cơ sở để điều tra xác minh.

Đối với Lò Văn L, Hoàng Văn T là người có mặt tại phòng trọ của Hà Văn D. Quá trình điều tra xác định L và T không biết việc các đối tượng trao đổi bàn bạc, góp tiền và mua ma túy. Tuy nhiên L và T đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng A, C, E, B và D do vậy Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi của L và T.

Đối với Vũ Đức K là chủ nhà Hà Văn D thuê trọ. Quá trình điều tra xác định K không biết việc các đối tượng sử dụng phòng trọ để tàng trữ, sử dụng ma túy, do đó không đặt vấn đề xử lý đối với K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn A, Lò Văn B, Hoàng Thị C, Tòng Văn E, Hà Văn D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn A 36 (ba mươi sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/01/2018).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị C 30 (ba mươi) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/01/2018).

Xử phạt bị cáo Lò Văn B 30 (ba mươi) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/01/2018).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hà Văn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/01/2018).

Xử phạt bị cáo Tòng Văn E 16 (mười sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/01/2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 0,49gam Methamphetamine, ký hiệu T1; 0,60gam Methamphetamine, ký hiệu T2; 0,64gam Methamphetamine, ký hiệu T3 là số ma túy còn lại sau khi trích rút trừ mẫu giám định; 01 vỏ phong bì niêm phong tang vật ban đầu đã bị bóc mở cùng các mảnh giấy gói ma túy ban đầu; 01 mảnh giấy bạc một mặt bám dính chất màu đen; 01 bật lửa ga bằng nhựa màu đỏ đã bị mất phần nắp bảo vệ; 01 chiếc găng tay đan bằng len màu đen có hoa văn màu trắng; 01 ví giả da màu đen nhãn hiệu VIP; 01 mũ lưỡi chai, kiểu dáng nam, màu đen có gắn mác in chữ “NS 1996”.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu cam, đen của Hà Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, vỏ nhựa màu đen của Hoàng Văn A.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị Hồng H 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát: 26B2-103.60, số khung RLCS5C6KOGY279958, số máy 5C6K279958.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Báo cho các bị cáo; người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Lò Văn B, Hoàng Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2018).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mai Sơn ;
- Viện KSND tỉnh Sơn La ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mai Sơn ;
- Công an huyện Mai Sơn ;
- Chi cục THADS Mai Sơn ;
- Bị cáo;
- Đại diện theo pháp luật của bị cáo ;
- Người bào chữa cho bị cáo ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hà